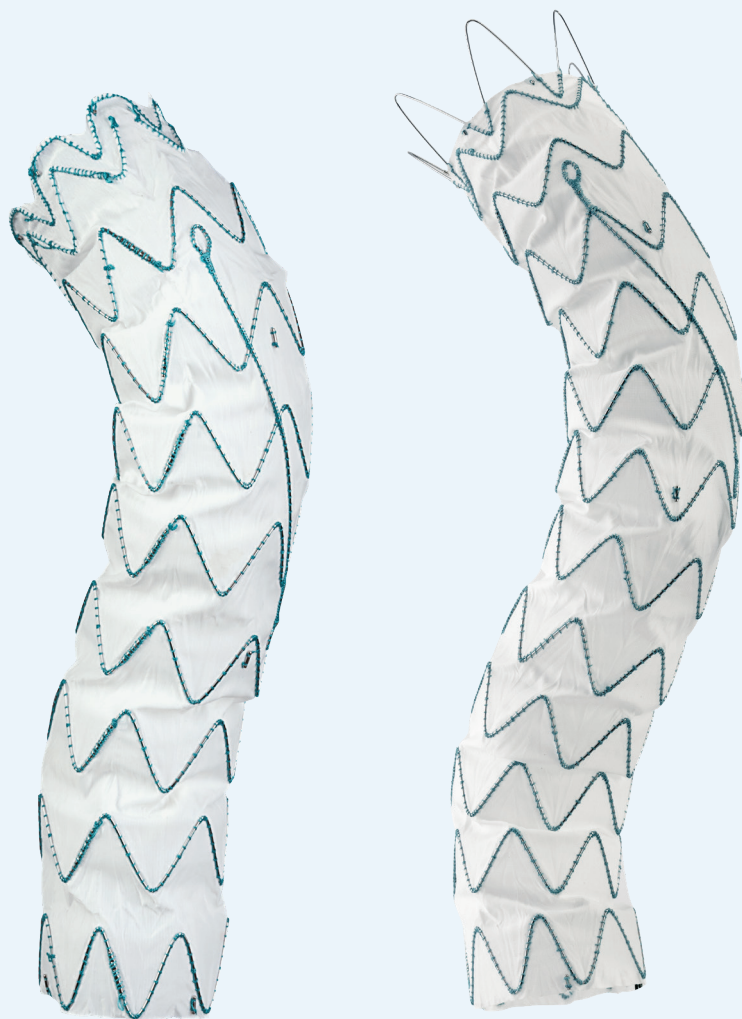




TÀI LIỆU SẢN PHẨM

Khung giá đỡ nội mạch chủ ngực

Relay[®]Pro

Truyền Cảm hứng Độc đáo cho Vị trí Đặt Lý tưởng

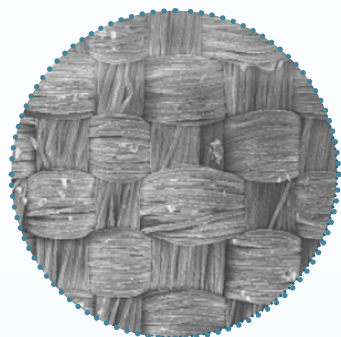


Để biết thêm thông tin, tham khảo tại trang
terumoaortic.com/relaypro

RELAY[®]PRO
THORACIC STENT-GRAFT SYSTEM

Thiết kế Đột đáo với Công nghệ Mới

RelayPro là **khung giá đỡ nội mạch chủ ngực thế hệ mới nhất** của Terumo Aortic được thiết kế chuyên biệt cho động mạch chủ ngực



Chất liệu Vải

Vải Polyester Dệt với đường dệt tối ưu:

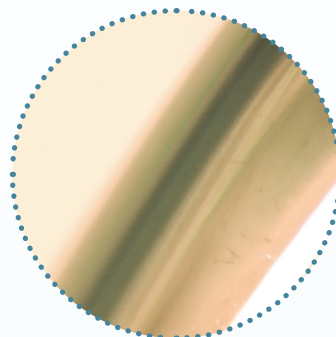
- ▶ Cấu hình nhỏ
- ▶ Độ bền cao
- ▶ Độ thấm thấu thấp



Chỉ khâu

Chỉ khâu phẫu thuật polyester 5-0 ngâm với PTFE:

- ▶ Độ kháng mòn cao
- ▶ Độ bền kéo cao



Stents

Chất liệu bằng Nitinol đánh bóng

Điện hóa:

- ▶ Tính đàn hồi siêu việt
- ▶ Độ bền hao mòn được chứng minh

0%

trường hợp
Endoleak Tuýp III/
IV theo dõi trong 1

năm^{1,2}
1: 0/110
2: 0/56

0%

trường hợp gãy Stent
theo dõi trong 1 năm

^{1,2}
1: 0/110
2: 0/56

0%

trường hợp Hẹp động
mạch / Huyết khối theo
dõi trong 1 năm^{1,2}

1: 0/110
2: 0/56

0%

Mất tính Thông
suốt theo dõi
trong 1 năm^{1,2}

1: 0/110
2: 0/56

1: Nhóm bệnh nhân Phình động mạch chủ ngực và Loét thủng do Xơ vữa 2: Nhóm bệnh nhân Lóc tách Động mạch chủ Tuýp B Phức tạp Cấp tính

Markers Cảnh quang

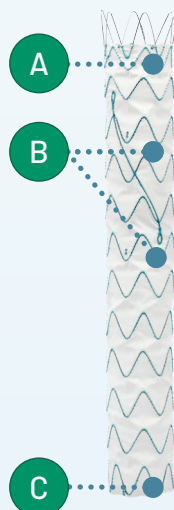
Platinum Iridium:

- ▶ Vật liệu cảnh quang để tăng cường nhìn thấy thiết bị

A. **5-8 Markers hình trụ đầu gần**

B. **2 Markers hình tạ tay trên thân** Trên bờ cong lớn (1 marker duy nhất trên khung giá đỡ 100mm)

C. **3 Markers hình tạ tay đầu xa**



Tăng cường Sự tự tin với Phương pháp điều trị theo Khuyến cáo cho Toàn bộ Động mạch chủ Ngực

Khung giá đỡ nội mạch chủ ngực RelayPro được chỉ định để điều trị **các bệnh lý động mạch chủ ngực** như **phình mạch**, **giả phình mạch**, **lóc tách**, **loét thủng**, và **tụ máu thành mạch**, ở bệnh nhân là người lớn.

Đường kính Khung giá đỡ (mm)	Chiều dài Đầu gần (mm) Cấu hình Stent trần	Chiều dài Đầu gần (mm) Cấu hình Stent phủ	Chiều dài Đầu xa (mm) Cấu hình Stent trần và Stent phủ
22-28	15	22	25
30-38	20	25	25
40-46	25	30	30

48%

trường hợp bệnh nhân trên nghiên cứu REGENERATION³ điều trị trên vùng Z0-Z3 của động mạch chủ ngực

3: 15/31

100%

trường hợp Cấy ghép Thành công về mặt Kỹ thuật³

Kỹ thuật Chính 90%,
Kỹ thuật bổ trợ 10% 3: 31/31

97%

trường hợp không cần can thiệp thứ cấp theo dõi trong 1 năm³

3: 30/31

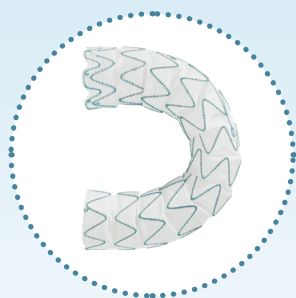
94%

trường hợp không có biến cố bất lợi liên quan đến thiết bị³

3: 29/31

3: Nhóm bệnh nhân phình mạch, giả phình mạch, lóc tách, loét thủng do vỡ động mạch chủ

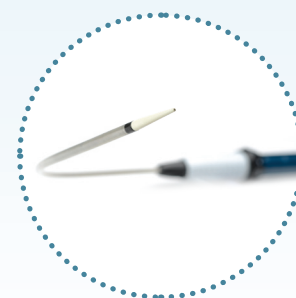
Các Tính năng Chính RelayPro



Tính năng Khung giá đỡ

- ▶ Nhiều Lựa chọn Kích thước
- ▶ Các Vùng Hiệu suất

- ▶ Cấu hình Điểm đầu gần
- ▶ Công nghệ Dây chữ S



Tính năng Hệ thống phân phối

- ▶ Công nghệ Bọc kép
- ▶ Ống thông Trong được Làm cong trước
- ▶ Hệ thống Phân phối có Cấu hình nhỏ

- ▶ NBS: Dây Hỗ trợ & Đầu Loe
- ▶ NBS: Móc cài Đầu gần Không đối xứng

Nhiều Lựa chọn Kích thước cho Tiếp cận Cá thể hóa

Danh mục tiêu chuẩn có nhiều kích cỡ và cấu hình thon, cho phép mỗi bệnh nhân được tiếp cận giải pháp phù hợp.

► Cấu hình thẳng

➤ Đường kính: 22mm - 46 mm (mỗi lần tăng 2mm)

➤ Chiều dài: 100mm - 250mm (mỗi lần tăng 50mm)*

► Cấu hình thon (khác biệt 4mm giữa đường kính đầu gần và đầu xa)

➤ Đường kính: 28mm - 46mm (mỗi lần tăng 2mm)

➤ Chiều dài: 150mm - 250mm (mỗi lần tăng 50mm)*

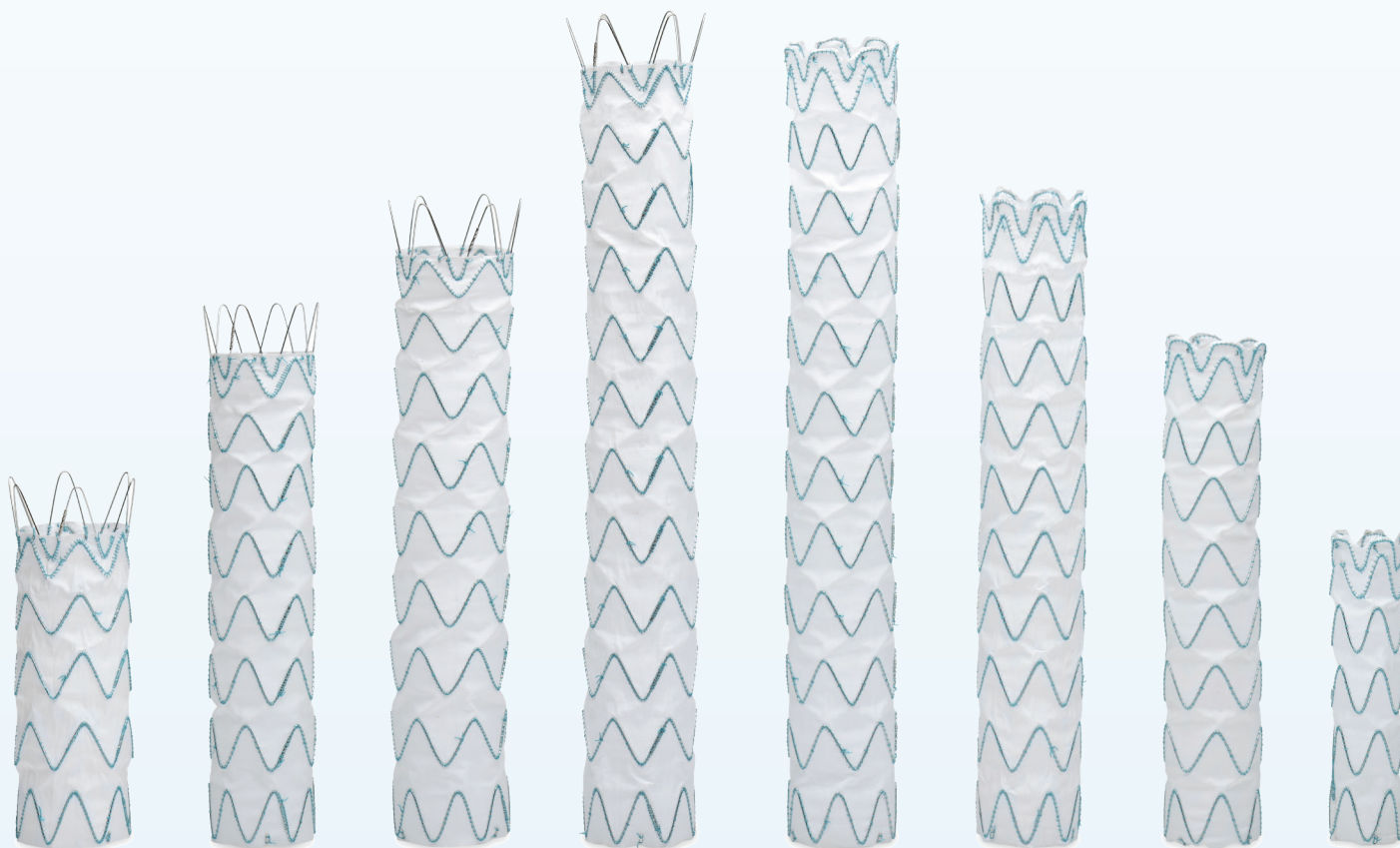
1.39³

thiết bị RelayPro
theo trung bình
được sử dụng trên
mỗi ca thủ thuật*
31 Bệnh nhân

3: Nhóm bệnh nhân phình mạch, giả phình mạch, lóc tách, loét thủng do vỡ động mạch chủ

* Chiều dài danh nghĩa

*“Một trong những lợi ích chính của RelayPro là khả năng lựa chọn từ trong danh sách các cấu hình đầu gần cho phép tôi tùy chỉnh lựa chọn thiết bị để đáp ứng nhu cầu trên từng cá thể bệnh nhân”*⁶⁴



3. Riambau et al. (2019). Prospective Multicenter Study of the Low-Profile Relay Stent-Graft in Patients with Thoracic Aortic Disease: The Regeneration Study. *Annals of Vascular Surgery*.

4. Venkatesh Ramaiah, MD, Chief of Complex Vascular Services and Network Director of Vascular Services of the HonorHealth hospital system, Scottsdale, Arizona
<https://evtoday.com/news/terumo-aortic-completes-enrollment-of-relaypro-united-states-pivotal-trial>

Thiết kế Dựa theo Giải phẫu học của Động mạch chủ Ngực

Khung giá đỡ nội mạch chủ ngực RelayPro được chia thành nhiều **vùng hiệu suất**. Mỗi vùng được thiết kế để phục vụ cho **một mục đích riêng biệt** và nhờ đó **phân bổ một lực hướng tâm phù hợp** mà không phụ thuộc của các vùng khác.

98.9%

trường hợp không có
phình động mạch chủ
theo dõi trong 1 năm ¹

1: 109/110

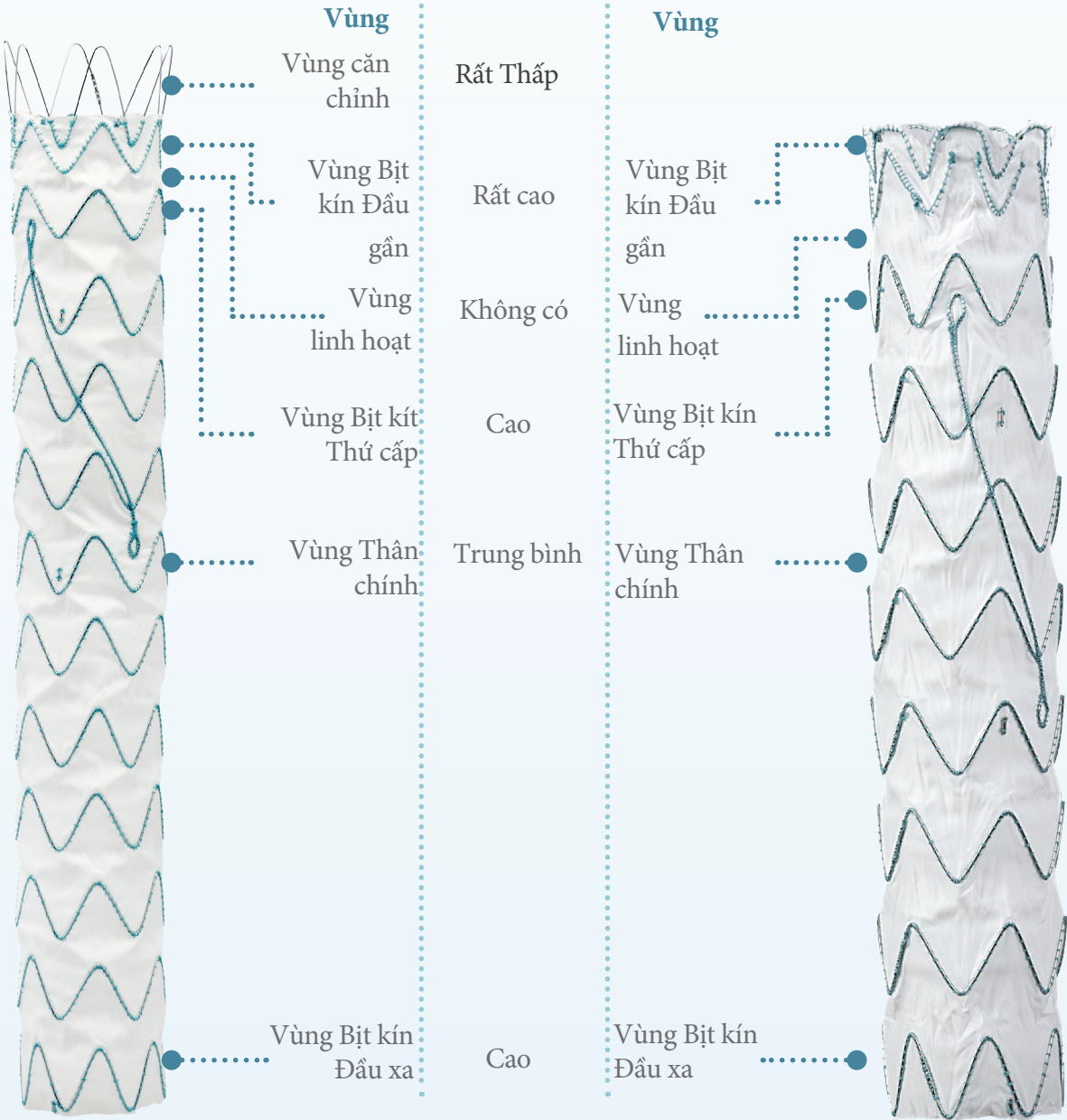
100%

trường hợp không có
tưới máu vào lòng giả
theo dõi từ 30 ngày
đến 1 năm ²

2: 56/56

1: Nhóm bệnh nhân Phình động mạch chủ ngực và Loét thủng do Xơ vữa
2: Nhóm bệnh nhân Lóc tách Động mạch chủ Tuỷ B Phức tạp Cấp tính

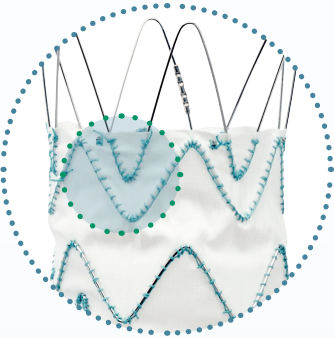
Tải trọng Hướng tâm



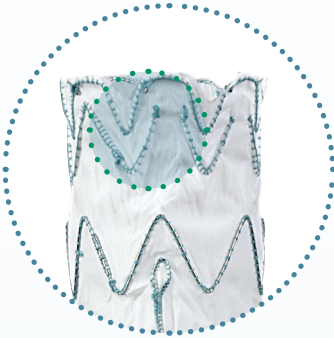
1. Szeto et al. (2022). One-Year Results with a Low-Profile Endograft in Subjects with Thoracic Aortic Aneurysm and Ulcer Pathologies. *The Journal of Thoracic and Cardiovascular Surgery*
2. Rossi et al. (2024). One-Year Results of a Low-Profile Endograft in Acute, Complicated Type B Aortic Dissection. *The Annals of Thoracic Surgery*.

Bịt kín Đồng đều và Cố định Chắc chắn

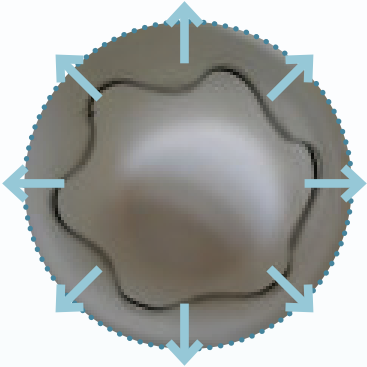
NHIỀU ĐIỂM BỊT KÍN



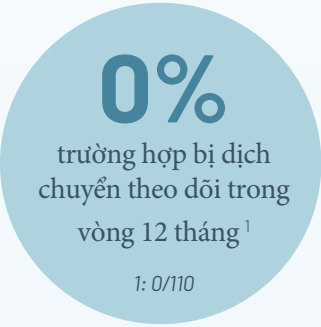
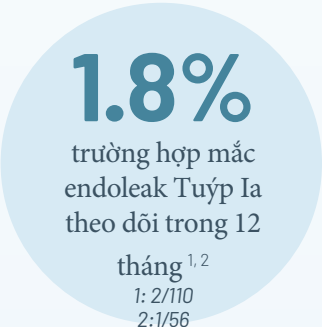
Cấu hình Stent Trần
Sự chồng lấp một phần của stent trần với stent phủ đầu tiên để **tối đa hóa** số lượng **điểm niêm phong**



Cấu hình Stent phủ
Stent nitinol **hình vương miện** chồng lấp với stent bịt kín đầu gần, cả hai được phủ bằng vải dệt được thiết kế để tối đa hóa khả năng thích ứng và **giảm thiểu sự gấp nếp**.



Tải trọng Hướng tâm cao
Cả hai cấu hình đầu gần được thiết kế để cung cấp **tải trọng hướng tâm cao** nhằm đạt được sự áp sát và cố định hiệu quả của khung giá đỡ lên thành động mạch chủ.



1: Nhóm bệnh nhân Phình động mạch chủ ngực và Loét thủng do Xơ vữa
2: Nhóm bệnh nhân Lóc tách Động mạch chủ Tuýp B Phức tạp Cấp tính

Tiên phong với Cung Động mạch chủ bằng Công nghệ S-Bar

S-Bar, một **dây nitinol hình chữ S**, được thiết kế để cung cấp **độ bền theo dạng thẳng** cho khung giá đỡ và tăng cường khả năng thích ứng bằng cách điều chỉnh theo độ cong tự nhiên của động mạch chủ.

Chiều dài được rút ngắn để tối ưu hóa trong việc điều trị động mạch chủ xoắn, cho phép phân xa của khung giá đỡ có thể uốn cong theo bất kì hướng nào.



1. Szeto et al. (2022). One-Year Results with a Low-Profile Endograft in Subjects with Thoracic Aortic Aneurysm and Ulcer Pathologies. *The Journal of Thoracic and Cardiovascular Surgery*
2. Rossi et al. (2024). One-Year Results of a Low-Profile Endograft in Acute, Complicated Type B Aortic Dissection. *The Annals of Thoracic Surgery*.

Aus fēl f Nf^E mē tēl eg^U leswĐl aĆa Rđl f l>le

Vải dệt tối ưu và các markers cân quang của RelayPro góp phần làm cho **cấu hình nhỏ**.



LÊN ĐẾN

85.5%

trường hợp bệnh nhân
điều trị qua việc can
thiệp động mạch đùi
qua da ^{1,2}

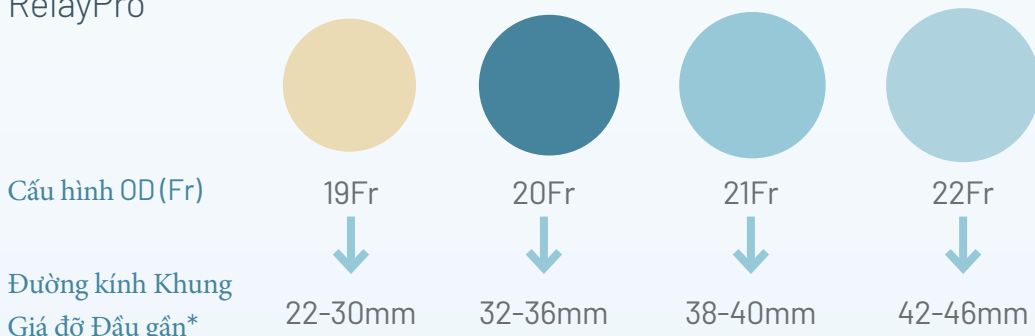
1: 50/68
2: 47/56

“Việc giảm 3-4 French trên cấu hình của RelayPro sẽ mang lại lợi thế trong can thiệp động mạch chủ, trong việc đưa và triển khai stent động mạch chủ, đặc biệt ở những bệnh nhân có mạch máu bị hẹp hoặc bị xoắn.”³

1: Nhóm bệnh nhân Phình động mạch chủ ngực và Loét thủng do Xơ vữa

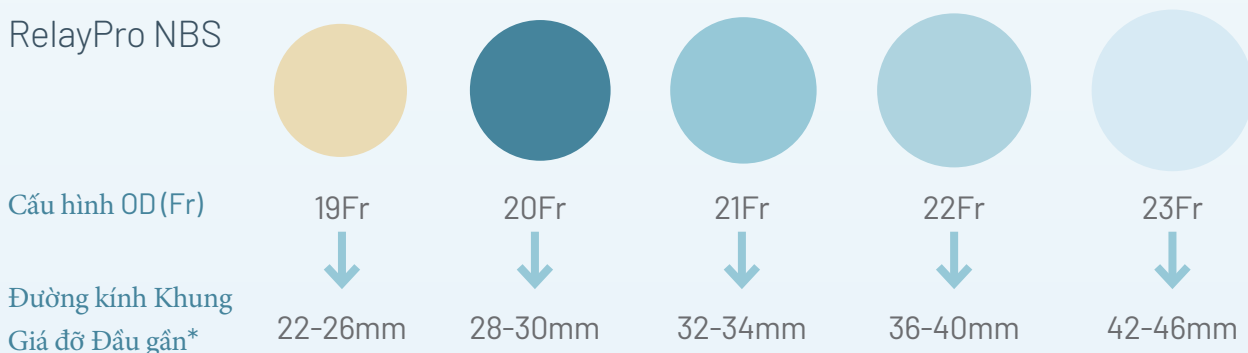
2: Nhóm bệnh nhân Lóc tách Động mạch chủ Tuỷ B Phức tạp Cấp tính

RelayPro



*Đối với thiết bị thon đầu gần, kích thước Fr dựa vào đường kính lớn nhất của khung giá đỡ động mạch chủ.

RelayPro NBS



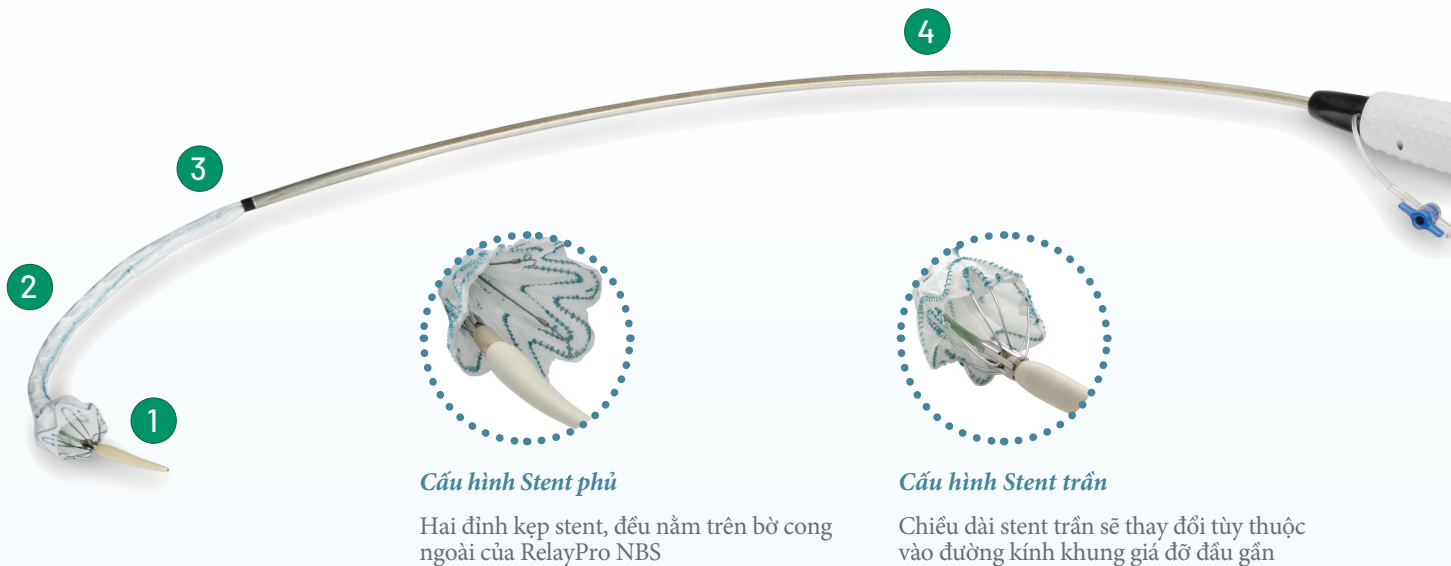
*Đối với thiết bị thon đầu gần, kích thước Fr dựa vào đường kính lớn nhất của khung giá đỡ động mạch chủ.

1. Szeto et al. (2022). One-Year Results with a Low-Profile Endograft in Subjects with Thoracic Aortic Aneurysm and Ulcer Pathologies. *The Journal of Thoracic and Cardiovascular Surgery*

2. Rossi et al. (2024). One-Year Results of a Low-Profile Endograft in Acute, Complicated Type B Aortic Dissection. *The Annals of Thoracic Surgery*.

3. Rimbaut et al. (2019). Prospective Multicenter Study of the Low-Profile Relay Stent-Graft in Patients with Thoracic Aortic Disease: The Regeneration Study. *Annals of Vascular Surgery*.

RelayPro: Chính xác, Đúng đắn, và Kiểm soát để Điều hướng Cung động mạch chủ một cách Cẩn thận



1 MÓC CÀI ĐẦU GẮN

- Cho phép định vị lại thiết bị và hỗ trợ triển khai vuông góc với mạch máu

2 ỐNG THÔNG BÊN TRONG ĐƯỢC LÀM CONG TRƯỚC

- Phù hợp với cung động mạch chủ được thiết kế để căn chỉnh cho khung giá đỡ động mạch chủ ngực

3 LỚP BỌC TRONG MỀM

- Chiều dài 30cm
- Được thiết kế để cung cấp khả năng điều hướng và đảm bảo triển khai chính xác, giảm thiểu chấn thương cho giải phẫu xung quanh

“Khả năng đặt RelayPro vào đúng vị trí kết hợp với cấu hình thấp sẽ cho phép tôi thực hiện thành công các có giải phẫu phức tạp với độ chính xác cao”⁵

Xem chuỗi video triển khai dưới đây



XEM VIDEO
Triển Khai RelayPro



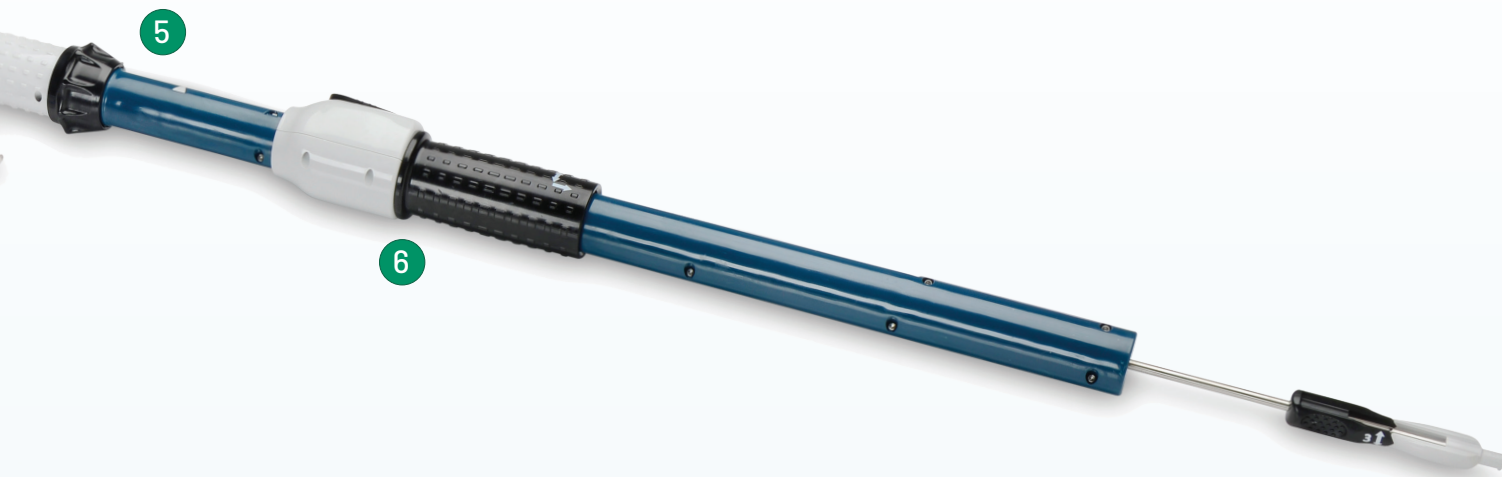
XEM VIDEO
Triển Khai RelayPro NBS



Núm xoay Điều khiển



Lợi thể Cơ học



4 LỚP BỌC NGOÀI DẠNG CUỘN

- Chiều dài 60cm
- Được thiết kế để cung cấp khả năng đẩy, cũng như hỗ trợ trong quá trình đưa và điều khiển khung giá đỡ để đi tới mạch máu cần tiếp cận

5 NÚM XOAY ĐIỀU KHIỂN 6 LỢI THỂ CƠ HỌC

- Cho phép triển khai theo từng giai đoạn giúp tăng cường kiểm soát và độ chính xác trong việc đặt khung giá đỡ động mạch chủ ngực

- Hệ thống bánh răng tiến và lùi cho phép các chuyển động nhỏ từng bước của khung giá đỡ động mạch chủ ngực giúp tăng cường khả năng kiểm soát khi triển khai

1.8%

Tỉ lệ đột quỵ gây tàn phế sau 30 ngày, không có đột quỵ nào theo dõi trong 1 năm ²

2: 1/56

1.8%

trường hợp biến chứng trong thủ thuật tiếp cận mạch máu ²

2: 1/56

“Khả năng điều hướng mượt qua quai động mạch chủ của RelayPro là nhờ hệ thống Lớp bọc kép cho phép triển khai một cách chính xác [...]”⁶

2: Cấp tính, Nhóm Bệnh nhân Lóc tách Động mạch chủ Tuỷ B Phức tạp

2. Rossi et al. (2024). One-Year Results of a Low-Profile Endograft in Acute, Complicated Type B Aortic Dissection. *The Annals of Thoracic Surgery*.
6. Wilson Y. Szeto, MD. Chief, Division of Cardiovascular Surgery. Hospital of the University of Pennsylvania-Penn Presbyterian - <https://evtoday.com/news/fda-approves-terumo-aortic-relaypro-thoracic-stent-graft>

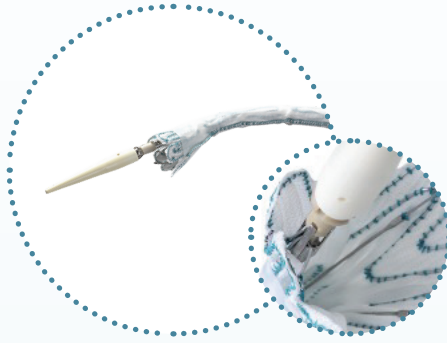
RelayPro NBS: Thiết kế để giảm thiểu bị Bird-beaking và Retroflex

RelayPro NBS, **khung giá đỡ nội mạch chủ ngực có sẵn trên thị trường với cấu hình Stent Phủ** có thể được sử dụng như một thành phần đầu gắn độc lập



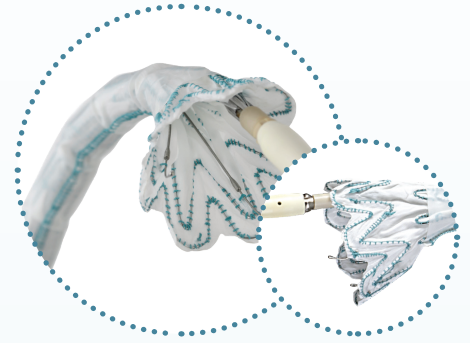
Giảm thiểu nguy cơ retroflex

Trong quá trình triển khai stent, hai **dây hỗ trợ** hướng phần dưới về phía thành trong của động mạch chủ, giữ nó thẳng hàng với vùng tiếp cận, **giảm thiểu nguy cơ của retroflex**



Khả năng định vị lại

Hai đỉnh kẹp stent, đều nằm trên bờ cong ngoài của RelayPro NBS, cho phép triển khai chính xác và kiểm soát, đồng thời duy trì **khả năng định vị lại**



Giảm thiểu nguy cơ của birdbeak

Cấu hình **Đầu Loe** của lớp bọc trong cho phép mở rộng một phần để cải thiện sự cân chỉnh đầu gần và độ chính xác giúp việc áp thành vào bờ cong nhỏ được chính xác, qua đó **giảm thiểu birdbeak**

100%

trường hợp triển khai thiết bị chính xác ^{7*^}

7: 23/23

0%

trường hợp mắc Bird-beak theo dõi trong vòng 12 tháng ^{2*}

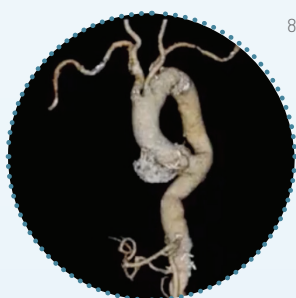
2: 0/56

“Triển khai chính xác với sự áp sát thành thuận lợi ngay cả trên cung động mạch chủ khó đã góp phần vào tỉ lệ biến chứng thấp trong ngắn và trung hạn”⁷

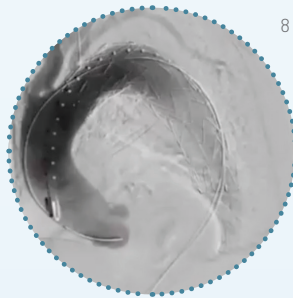
* Các nghiên cứu này sử dụng tất cả các thiết bị RelayPro với cấu hình NBS chiếm ưu thế.

2: Nhóm Bệnh nhân Lóc tách Động mạch chủ Tuỷ B Phức tạp Cấp tính.

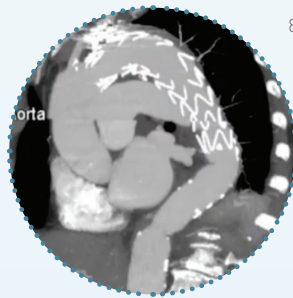
7: Lóc tách Động mạch chủ, Phình động mạch chủ, Loét thủng do Xơ vữa và Tụ máu thành mạch; N=1 cho mỗi xói mòn và vỡ động mạch chủ. RelayPro KHÔNG được chỉ định cho các trường hợp xói mòn hoặc vỡ động mạch chủ.



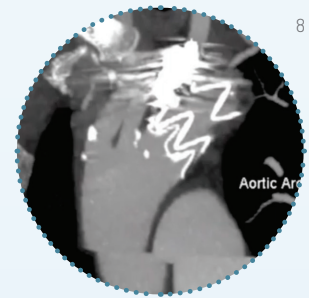
Bệnh nhân 86 tuổi, Loét thủng do Xơ vữa /lóc tách khu trú ở Động mạch chủ xuống



Chụp mạch lần cuối sau khi cấy RelayPro NBS



Chụp CT sau Can thiệp



LƯU Ý: Dây hỗ trợ chỉ có mặt trên các thiết bị khung giá đỡ động mạch chủ ngực với đường kính đầu gần 32mm hoặc lớn hơn.

2. Rossi et al. (2024). One-Year Results of a Low-Profile Endograft in Acute, Complicated Type B Aortic Dissection. *The Annals of Thoracic Surgery*.

7. El Beyrouti et al. (2020). Early results of a low-profile stent-graft for thoracic endovascular aortic repair. *PLOS ONE*, 2020

8. Case images courtesy of Wilson Y. Szeto, Chief, Division of Cardiovascular Surgery. Hospital of the University of Pennsylvania-Penn Presbyterian, <https://www.vumedi.com/video/relaypro-thoracic-stent-graft-features-to-clinical-practice/>

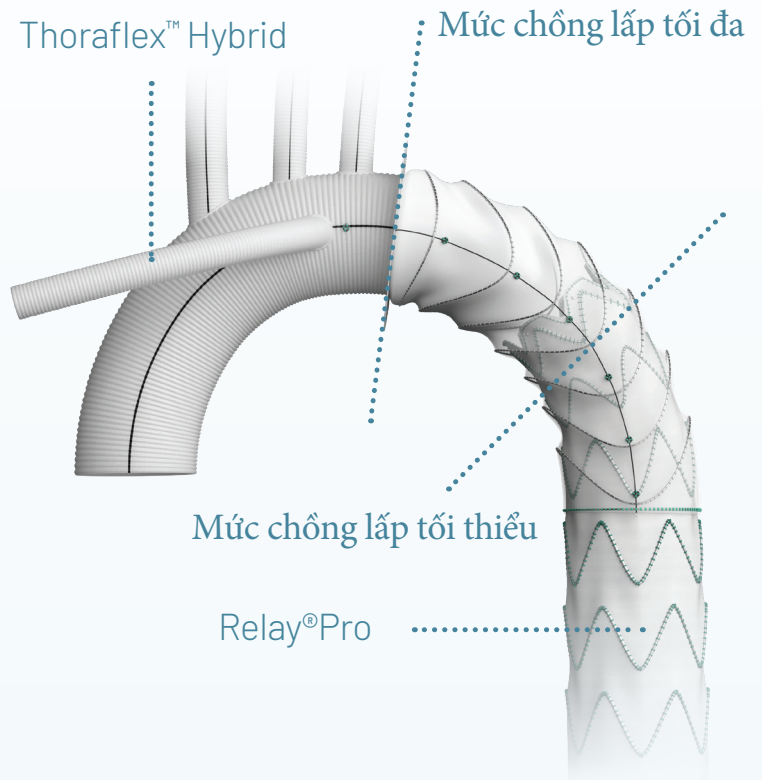
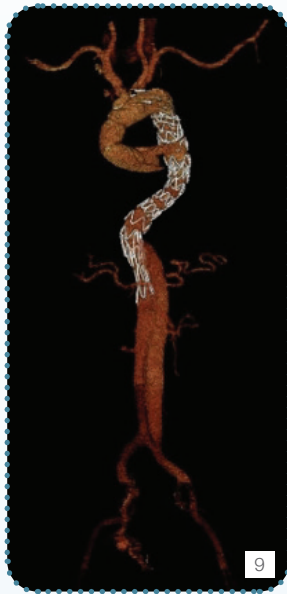
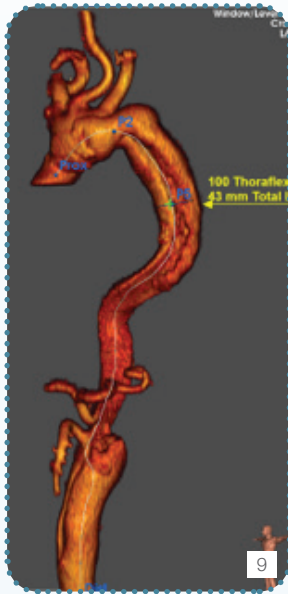
Kế hoạch cho Tương lai: Kéo Dài Đoạn Động Mạch Chủ Ngực Xuống theo Khuyến cáo

thoraflex™ hybrid

Chỉ nên sử dụng cấu hình Relay NBS trong trường hợp cần kéo dài đoạn xa

► Bệnh nhân 44 tuổi

► Can thiệp bóc tách động mạch chủ cấp tuỷ A bằng Thoraflex Hybrid, sau đó kéo dài bằng hệ thống khung giá đỡ động mạch chủ ngực RelayPro NBS



► Trình bày ca lâm sàng ► Giai đoạn thứ cấp :
Kéo dài bằng
RelayPro NBS

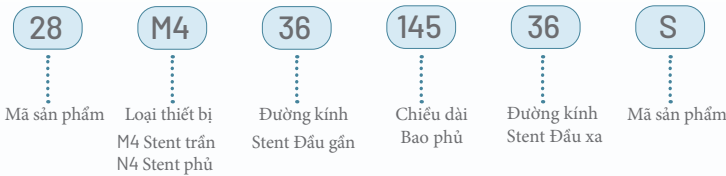
33% các can thiệp FET cần can thiệp trong tương lai ^{10*}

* Các can thiệp lại bao gồm can thiệp nội mạch, phẫu thuật mở hở, hoặc phương pháp lai. Lưu ý rằng Thoraflex Hybrid CHỈ được chỉ định điều trị cho các trường hợp phình và / hoặc bóc tách động mạch chủ. RelayPro chống chỉ định trên bệnh nhân có rối loạn mô liên kết. Vui lòng tham khảo Hướng dẫn sử dụng thiết bị để biết đầy đủ các chỉ định, chống chỉ định, cảnh báo và biện pháp phòng ngừa.

9. Images courtesy of Prof. Wilson Szeto, Cardiovascular Surgery, Penn Presbyterian Medical center. <https://www.vumedi.com/video/2nd-stage-tevaring-with-thoraflex-hybrid-staying-on-label-at-all-times/>

10. Kreibich et al. (2020). Aortic reinterventions after the frozen elephant trunk procedure. The Journal of Thoracic and Cardiovascular Surgery

Thông tin Đặt hàng Sản phẩm RelayPro



Stent trần: Thẳng

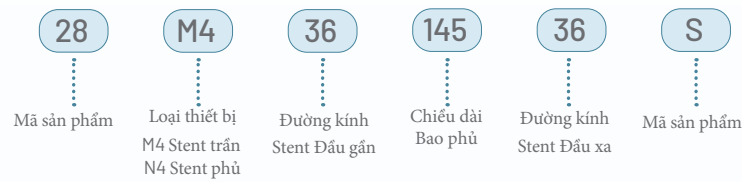
	Mạch máu	Khung giá đỡ động mạch chủ		Hệ thống Truyền tải		Danh mục tham khảo
	Kích thước Mạch máu Đầu gần	Đường kính Đầu gần / Đầu xa	Chiều dài Bao phủ	Cấu hình Đường kính ngoài	Sản xuất theo Yêu cầu ^	
100mm	19	22	90	19Fr		28-M4-22-090-22S
	20-21	24	90	19Fr		28-M4-24-090-24S
	22-23	26	95	19Fr		28-M4-26-095-26S
	24-25	28	95	19Fr		28-M4-28-095-28S
	26-27	30	95	19Fr		28-M4-30-095-30S
	28-29	32	95	20Fr		28-M4-32-095-32S
	30-31	34	100	20Fr		28-M4-34-100-34S
	32-33	36	100	20Fr		28-M4-36-100-36S
	34	38	100	21Fr		28-M4-38-100-38S
	35-36	40	105	21Fr		28-M4-40-105-40S
	37-38	42	105	22Fr	•	28-M4-42-105-42S
	39-40	44	105	22Fr	•	28-M4-44-105-44S
150mm	41-42	46	105	22Fr	•	28-M4-46-105-46S
	19	22	150	19Fr		28-M4-22-150-22S
	20-21	24	150	19Fr		28-M4-24-150-24S
	22-23	26	155	19Fr		28-M4-26-155-26S
	24-25	28	155	19Fr		28-M4-28-155-28S
	26-27	30	155	19Fr		28-M4-30-155-30S
	28-29	32	155	20Fr		28-M4-32-155-32S
	30-31	34	145	20Fr		28-M4-34-145-34S
	32-33	36	145	20Fr		28-M4-36-145-36S
	34	38	145	21Fr		28-M4 38-145-38S
	35-36	40	145	21Fr		28-M4-40-145-40S
	37-38	42	150	22Fr		28-M4-42-150-42S
	39-40	44	155	22Fr		28-M4-44-155-44S
	41-42	46	155	22Fr	•	28-M4-46-155-46S

Stent trần: Thẳng

	Mạch máu	Khung giá đỡ động mạch chủ		Hệ thống Truyền tải		Danh mục tham khảo
	Kích thước Mạch máu Đầu gần	Đường kính Đầu gần / Đầu xa	Chiều dài Bao phủ	Cấu hình Đường kính ngoài	Sản xuất theo Yêu cầu ^	
200mm	19	22	190	19Fr		28-M4-22-190-22S
	20-21	24	190	19Fr		28-M4-24-190-24S
	22-23	26	195	19Fr		28-M4-26-195-26S
	24-25	28	195	19Fr		28-M4-28-195-28S
	26-27	30	200	19Fr		28-M4-30-200-30S
	28-29	32	200	20Fr		28-M4-32-200-32S
	30-31	34	200	20Fr		28-M4-34-200-34S
	32-33	36	190	20Fr		28-M4-36-190-36S
	34	38	190	21Fr		28-M4-38-190-38S
	35-36	40	195	21Fr		28-M4-40-195-40S
	37-38	42	195	22Fr		28-M4-42-195-42S
	39-40	44	200	22Fr		28-M4-44-200-44S
250mm	41-42	46	200	22Fr	•	28-M4-46-200-46S
	19	22	250	19Fr		28-M4-22-250-22S
	20-21	24	250	19Fr		28-M4-24-250-24S
	22-23	26	250	19Fr		28-M4-26-250-26S
	24-25	28	250	19Fr		28-M4-28-250-28S
	26-27	30	250	19Fr		28-M4-30-250-30S
	28-29	32	250	20Fr		28-M4-32-250-32S
	30-31	34	250	20Fr		28-M4-34-250-34S
	32-33	36	250	20Fr		28-M4-36-250-36S
	34	38	250	21Fr		28-M4-38-250-38S
	35-36	40	250	21Fr		28-M4-40-250-40S
	37-38	42	250	22Fr	•	28-M4-42-250-42S
	39-40	44	250	22Fr	•	28-M4-44-250-44S
	41-42	46	250	22Fr	•	28-M4-46-250-46S

^ Các thiết bị được Sản xuất theo Yêu cầu không được giữ trong kho. Các thiết bị này sẽ được sản xuất sau khi nhận Đơn Đặt hàng và có thể chờ lâu hơn so với thiết bị được sản xuất sẵn. Tất cả các kích thước đều đo bằng mm trừ khi có quy định khác. Lựa chọn kích thước thiết bị phù hợp dựa vào đường kính ngoài của động mạch chủ được chụp từ hình ảnh CT.

Thông tin Đặt hàng Sản phẩm RelayPro



Stent phủ: Thẳng

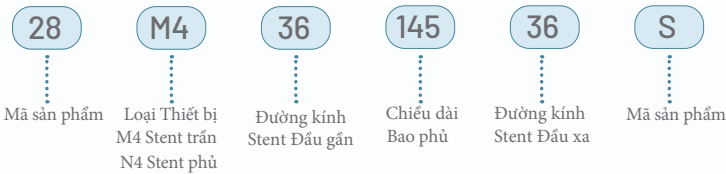
	Mạch máu	Khung giá đỡ động mạch chủ		Hệ thống truyền tải	
	Kích thước Mạch máu Đầu gần	Đường kính Đầu gần / Đầu xa	Chiều dài Bao phủ	Cấu hình Đường kính Ngoài (OD)	Sản xuất theo Yêu cầu ^ Danh mục Tham khảo
100mm	19	22	99	19Fr	28-N4-22-099-22S
	20-21	24	99	19Fr	28-N4-24-099-24S
	22-23	26	104	19Fr	28-N4-26-104-26S
	24-25	28	104	20Fr	28-N4-28-104-28S
	26-27	30	104	20Fr	28-N4-30-104-30S
	28-29	32	104	21Fr	28-N4-32-104-32S
	30-31	34	109	21Fr	28-N4-34-109-34S
	32-33	36	109	22Fr	28-N4-36-109-36S
	34	38	109	22Fr	28-N4-38-109-38S
	35-36	40	114	22Fr	28-N4-40-114-40S
	37-38	42	114	23Fr	● 28-N4-42-114-42S
	39-40	44	114	23Fr	● 28-N4-44-114-44S
41-42	46	114	23Fr	● 28-N4-46-114-46S	
150mm	19	22	159	19Fr	28-N4-22-159-22S
	20-21	24	159	19Fr	28-N4-24-159-24S
	22-23	26	164	19Fr	28-N4-26-164-26S
	24-25	28	164	20Fr	28-N4-28-164-28S
	26-27	30	164	20Fr	28-N4-30-164-30S
	28-29	32	164	21Fr	28-N4-32-164-32S
	30-31	34	154	21Fr	28-N4-34-154-34S
	32-33	36	154	22Fr	28-N4-36-154-36S
	34	38	154	22Fr	28-N4-38-154-38S
	35-36	40	154	22Fr	28-N4-40-154-40S
	37-38	42	159	23Fr	28-N4-42-159-42S
	39-40	44	164	23Fr	28-N4-44-164-44S
	41-42	46	164	23Fr	● 28-N4-46-164-46S

Stent phủ: Thẳng

	Mạch máu		Khung giá đỡ động mạch chủ		Hệ thống truyền tải		
	Kích thước Mạch máu Đầu gần	Đường kính Đầu gần / Đầu xa	Chiều dài Bao phủ	Cấu hình Đường kính Ngoài (OD)	Sản xuất theo Yêu cầu ^	Danh mục Tham khảo	
200mm	19	22	199	19Fr		28-N4-22-199-22S	
	20-21	24	199	19Fr		28-N4-24-199-24S	
	22-23	26	204	19Fr		28-N4-26-204-26S	
	24-25	28	204	20Fr		28-N4-28-204-28S	
	26-27	30	209	20Fr		28-N4-30-209-30S	
	28-29	32	209	21Fr		28-N4-32-209-32S	
	30-31	34	209	21Fr		28-N4-34-209-34S	
	32-33	36	199	22Fr		28-N4-36-199-36S	
	34	38	199	22Fr		28-N4-38-199-38S	
	35-36	40	204	22Fr		28-N4-40-204-40S	
	37-38	42	204	23Fr		28-N4-42-204-42S	
	39-40	44	209	23Fr		28-N4-44-209-44S	
	41-42	46	209	23Fr	●	28-N4-46-209-46S	
250mm	19	22	259	19Fr	●	28-N4-22-259-22S	
	20-21	24	259	19Fr	●	28-N4-24-259-24S	
	22-23	26	259	19Fr	●	28-N4-26-259-26S	
	24-25	28	259	20Fr	●	28-N4-28-259-28S	
	26-27	30	259	20Fr	●	28-N4-30-259-30S	
	28-29	32	259	21Fr	●	28-N4-32-259-32S	
	30-31	34	259	21Fr	●	28-N4-34-259-34S	
	32-33	36	259	22Fr	●	28-N4-36-259-36S	
	34	38	259	22Fr	●	28-N4-38-259-38S	
	35-36	40	259	22Fr	●	28-N4-40-259-40S	
	37-38	42	259	23Fr	●	28-N4-42-259-42S	
	39-40	44	259	23Fr	●	28-N4-44-259-44S	
		41-42	46	259	23Fr	●	28-N4-46-259-46S

^ Các thiết bị được Sản xuất theo Yêu cầu không được giữ trong kho. Các thiết bị này sẽ được sản xuất sau khi nhận Đơn Đặt hàng và có thể chờ lâu hơn so với thiết bị được sản xuất sẵn. Tất cả các kích thước đều đo bằng mm trừ khi có quy định khác. Lựa chọn kích thước thiết bị phù hợp dựa vào đường kính ngoài của động mạch chủ được chụp từ hình ảnh CT.

Thông tin Đặt hàng Sản phẩm RelayPro



Stent trần: Thon nhọn

	Mạch máu		Khung giá đỡ động mạch chủ		Hệ thống truyền tải	
	Đường kính Đầu gần	Đường kính Đầu xa	Đường kính Đầu gần / Đầu xa	Chiều dài Bao phủ	Cấu hình Đường kính Ngoài (OD)	Sản xuất theo Yêu cầu ^
150mm	24-25	20-21	28/24	155	19Fr	28-M4-28-155-24S
	26-27	22-23	30/26	155	19Fr	28-M4-30-155-26S
	28-29	24-25	32/28	155	20Fr	28-M4-32-155-28S
	30-31	26-27	34/30	145	20Fr	28-M4-34-145-30S
	32-33	28-29	36/32	145	20Fr	28-M4-36-145-32S
	34	30-31	38/34	145	21Fr	28-M4-38-145-34S
	35-36	32-33	40/36	145	21Fr	28-M4-40-145-36S
	37-38	34	42/38	150	22Fr	28-M4-42-150-38S
	39-40	35-36	44/40	155	22Fr	28-M4-44-155-40S
	41-42	37-38	46/42	155	22Fr	28-M4-46-155-42S
200mm	24-25	20-21	28/24	195	19Fr	28-M4-28-195-24S
	26-27	22-23	30/26	200	19Fr	28-M4-30-200-26S
	28-29	24-25	32/28	200	20Fr	28-M4-32-200-28S
	30-31	26-27	34/30	200	20Fr	28-M4-34-200-30S
	32-33	28-29	36/32	190	20Fr	28-M4-36-190-32S
	34	30-31	38/34	190	21Fr	28-M4-38-190-34S
	35-36	32-33	40/36	195	21Fr	28-M4-40-195-36S
	37-38	34	42/38	195	22Fr	28-M4-42-195-38S
	39-40	35-36	44/40	200	22Fr	28-M4-44-200-40S
	41-42	37-38	46/42	200	22Fr	28-M4-46-200-42S
250mm	24-25	20-21	28/24	250	19Fr	28-M4-28-250-24S
	26-27	22-23	30/26	250	19Fr	28-M4-30-250-26S
	28-29	24-25	32/28	250	20Fr	28-M4-32-250-28S
	30-31	26-27	34/30	250	20Fr	28-M4-34-250-30S
	32-33	28-29	36/32	250	20Fr	28-M4-36-250-32S
	34	30-31	38/34	250	21Fr	28-M4-38-250-34S
	35-36	32-33	40/36	250	21Fr	28-M4-40-250-36S
	37-38	34	42/38	250	22Fr	28-M4-42-250-38S
	39-40	35-36	44/40	250	22Fr	28-M4-44-250-40S
	41-42	37-38	46/42	250	22Fr	28-M4-46-250-42S

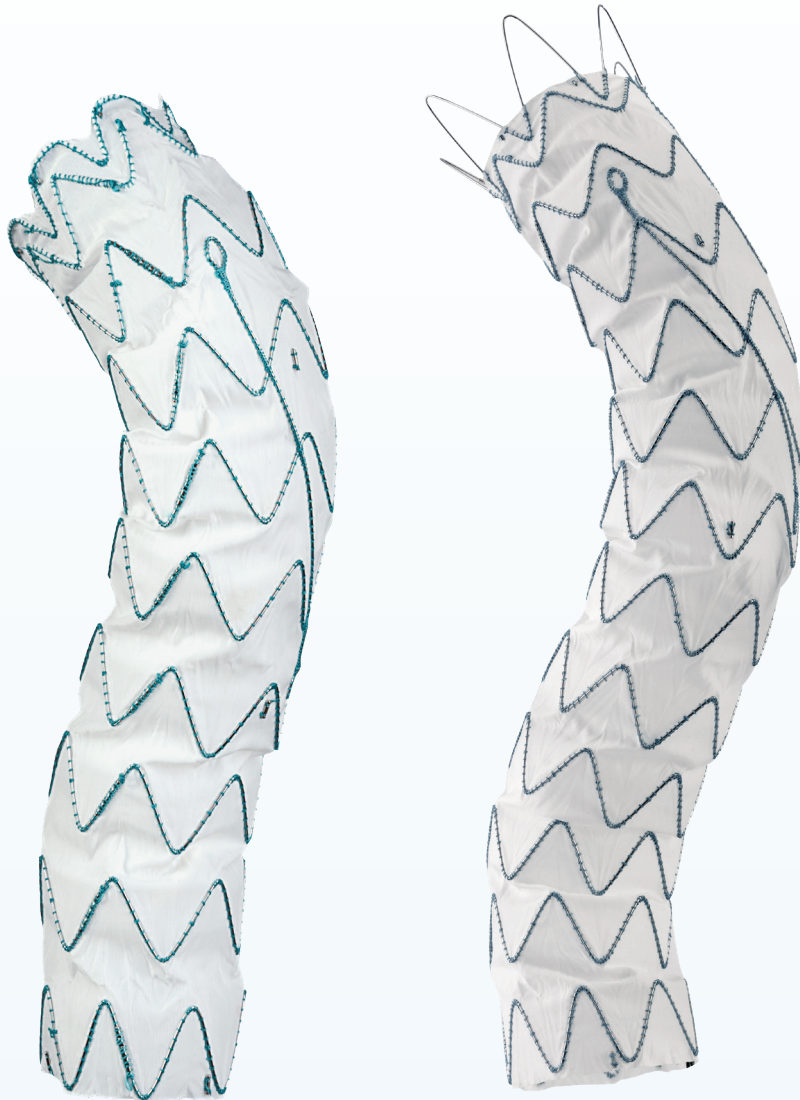
Stent phủ: Thon nhọn

	Mạch máu		Khung giá đỡ động mạch chủ		Hệ thống truyền tải	
	Đường kính Đầu gần	Đường kính Đầu xa	Đường kính Đầu gần / Đầu xa	Chiều dài Bao phủ	Cấu hình Đường kính Ngoài (OD)	Sản xuất theo Yêu cầu ^
150mm	24-25	20-21	28/24	164	20Fr	28-N4-28-164-24S
	26-27	22-23	30/26	164	20Fr	28-N4-30-164-26S
	28-29	24-25	32/28	164	21Fr	28-N4-32-164-28S
	30-31	26-27	34/30	154	21Fr	28-N4-34-154-30S
	32-33	28-29	36/32	154	22Fr	28-N4-36-154-32S
	34	30-31	38/34	154	22Fr	28-N4-38-154-34S
	35-36	32-33	40/36	154	22Fr	28-N4-40-154-36S
	37-38	34	42/38	159	23Fr	28-N4-42-159-38S
	39-40	35-36	44/40	164	23Fr	28-N4-44-164-40S
	41-42	37-38	46/42	164	23Fr	28-N4-46-164-42S
200mm	24-25	20-21	28/24	204	20Fr	28-N4-28-204-24S
	26-27	22-23	30/26	209	20Fr	28-N4-30-209-26S
	28-29	24-25	32/28	209	21Fr	28-N4-32-209-28S
	30-31	26-27	34/30	209	21Fr	28-N4-34-209-30S
	32-33	28-29	36/32	199	22Fr	28-N4-36-199-32S
	34	30-31	38/34	199	22Fr	28-N4-38-199-34S
	35-36	32-33	40/36	204	22Fr	28-N4-40-204-36S
	37-38	34	42/38	204	23Fr	28-N4-42-204-38S
	39-40	35-36	44/40	209	23Fr	28-N4-44-209-40S
	41-42	37-38	46/42	209	23Fr	28-N4-46-209-42S
250mm	24-25	20-21	28/24	259	20Fr	28-N4-28-259-24S
	26-27	22-23	30/26	259	20Fr	28-N4-30-259-26S
	28-29	24-25	32/28	259	21Fr	28-N4-32-259-28S
	30-31	26-27	34/30	259	21Fr	28-N4-34-259-30S
	32-33	28-29	36/32	259	22Fr	28-N4-36-259-32S
	34	30-31	38/34	259	22Fr	28-N4-38-259-34S
	35-36	32-33	40/36	259	22Fr	28-N4-40-259-36S
	37-38	34	42/38	259	23Fr	28-N4-42-259-38S
	39-40	35-36	44/40	259	23Fr	28-N4-44-259-40S
	41-42	37-38	46/42	259	23Fr	28-N4-46-259-42S

^ Các thiết bị được Sản xuất theo Yêu cầu không được giữ trong kho. Các thiết bị này sẽ được sản xuất sau khi nhận Đơn Đặt hàng và có thể chờ lâu hơn so với thiết bị được sản xuất sẵn. Tất cả các kích thước đều đo bằng mm trừ khi có quy định khác. Lựa chọn kích thước thiết bị phù hợp dựa vào đường kính ngoài của động mạch chủ được chụp từ hình ảnh CT.

Truyền Cảm hứng Độc đáo cho Vị trí Đặt Lý tưởng

RELAY®PRO
THORACIC STENT-GRAFT SYSTEM



TÌM HIỂU
THÊM
Tính năng và Lợi
ích của Relay®Pro

Tính năng và Lợi ích terumoaortic.com/features-benefits

Khám phá cách mà từng tính năng và lợi ích chính được tích hợp vào mỗi sản phẩm của chúng tôi để đảm bảo chất lượng và hiệu suất cao nhất có thể.



DURABILITY & RELIABILITY



SAFETY & EFFICACY



ADAPTABILITY & VERSATILITY



FLEXIBILITY



PRECISION



DESIGN

Cam kết Chăm sóc Động mạch chủ



Các giải pháp cho từng đoạn của động mạch chủ
terumoaortic.com



LinkedIn



VuMedi



X

Số lưu hành: 2301853ĐKLH/BYT-HTTB

Chủ sở hữu số lưu hành: Công ty TNHH Thiết bị y tế Terumo Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Hãng, nước sản xuất: Bolton Medical, Inc., Mỹ

Số văn bản công khai nội dung và hình thức quảng cáo: 064/25-CKQC-Terumo

Tham khảo IFU tại trang eifu.terumoaortic.com để biết thêm thông tin về cách sử dụng, chỉ định, chống chỉ định và cảnh báo/để phòng.

Sản phẩm có sẵn tùy thuộc vào sự chấp thuận của cơ quan quản lý địa phương. [PM-08577](#)

Để biết thêm thông tin nhà phân phối, tham khảo tại trang terumoaortic.com/contact

 Bolton Medical Inc.
799 International Parkway, Sunrise,
Florida 33325, Mỹ